

GIÁ TRỊ CỦA THƠ MINH MẠNG

Nguyễn Huy Khuyển*

Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 09/04/2020; ngày nhận đăng: 10/09/2020

Tóm tắt

Theo Đại Nam thực lục (bộ chính sử đồ sộ của triều Nguyễn), Vua Minh Mạng lúc sinh thời đã sáng tác rất nhiều bài thơ và được in trong Ngự chế thi sơ tập đến Ngự chế thi lục tập, tổng số gần 4000 bài thơ. Những bài thơ này hiện nay vẫn còn bản in và bản khắc, nội dung bao quát nhiều vấn đề về lịch sử, văn học, văn hóa, danh lam thắng cảnh, chính sự, yêu dân, trọng nông, kính trời dưới triều Nguyễn.... Vậy, vì sao là người đứng đầu đất nước, công việc chính sự phê duyệt tấu chương... mà vua lại có thời gian sáng tác được nhiều thơ như vậy. Bài viết lý giải nguyên nhân, mục đích và giá trị của thơ ngự chế do vua Minh Mạng sáng tác.

Từ khóa: thơ ngự chế; Minh Mạng; quan điểm sáng tác; chính sự; yêu dân.

1. Vua Minh Mạng với thơ

Dù chỉ là sáng tác trong khoảng 16 năm, bắt đầu từ năm Đinh Hợi đến năm Canh Tý (1827 -1841), nhưng Ngự chế thi là một thi tập quá đồ sộ. Khác với những thi tập khác mà ta được đọc trước đây như Toàn Việt thi lục; Việt âm thi tập; Hoàng Việt thi tuyển, Ngự chế thi của Thiệu Trị hơn 3000 bài¹, Ngự chế thi của vua Tự Đức²..., Theo nghiên cứu của chúng tôi, vua Minh Mạng sáng tác được 3517 bài thơ được in trong các bộ Ngự chế thi sơ tập đến Ngự chế thi lục tập. Như vậy, nếu so với các thi tập của các vua Thiệu Trị và Tự Đức thì số lượng thơ của vua Minh Mạng cũng có thể là đứng đầu. Đọc toàn bộ thi tập có nhiều bài thơ sáng tác có ghi tháng năm rõ ràng. Nó như một cuốn thực lục bằng thơ, nhiều bài thơ còn được ghi chú rõ

ràng, hoặc nêu lên lý do, hoặc đề nhắc lại việc cũ, hoặc giải thích một vấn đề nào đó... Từ đó không những giúp chúng ta hiểu kỹ bài thơ hơn mà còn có thể biết được hoàn cảnh, sự kiện vào lúc đương thời, hoặc tâm tư của người viết, những phần này thường không được ghi trong sử sách. Đó là những sự kiện chính xác, dưới nhận xét cùng đánh giá của người cầm quyền, và nhờ đó ta khỏi ngộ nhận bởi những phán đoán nặng phần tưởng tượng cùng thêu dệt và võ đoán của hậu thế.

Về quan niệm thi học của vua Minh Mạng là một mặt đề cao vai trò của thi ca và thuyết “tính linh”. Ông cho rằng “thơ là để rèn luyện linh tính còn hơn cái sở thích khác”. Với quan niệm làm thơ để tỏ chí hướng, như lời nhận xét của vua Thiệu Trị : “天下萬世讀至此詩莫不思慕

我皇父一念安民之至也 Thiên hạ vạn thế độc chí thử thi mạc bất tư mộ ngã Hoàng phụ nhất niệm an dân chí chí dã” (Thiên hạ đọc đến thơ này chẳng ai là không ái mộ Hoàng khảo hết lòng nghĩ đến việc an dân), mà ý thơ thì “精微奧旨出於天然 Tinh vi

* Email: khuyennh@dlu.edu.vn

¹ Theo thống kê của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, toàn bộ Ngự chế thi của vua Thiệu Trị là 3032 bài thơ, các bài thơ thể hiện tức sự, cảm hoài, ngâm vịnh các danh thắng, nhân vật lịch sử, thời tiết, mùa màng ...

² Chúng tôi chưa có con số cụ thể các bài thơ mà vua Tự Đức đã sáng tác, tuy nhiên có số thực tế cũng phải đến vài ngàn bài.

áo chỉ xuất u thiên nhiên - 旁礴流通莫窮神
妙 Bàng bạc lưu thông mạc cùng thần
diệu" (Khéo léo tinh vi mà lại thật tự nhiên
- Bàng bạc thông suốt thần diệu vô cùng).
(Bài Bạt cuối *Ngự chế thi lục tập*).

Dưới triều Nguyễn, nhiều văn sĩ nổi
tiếng theo thuyết tính linh như Cao Bá Quát,
Miên Thẩm, Trương Đăng Quế. Minh
Mạng lại có quan điểm làm thơ khác với
quan điểm của một số nhà thơ khác, một
mặt, ông thừa nhận “*thơ là để rèn luyện
linh tính còn hơn cái sở thích khác*. Tuy
nhiên, với cương vị là một hoàng đế làm
thơ, quan niệm làm thơ chỉ để phục vụ
chính sự, ngắm việc nắng mưa, kính trời
yêu dân thì làm thơ không phải để lưu danh
hay lập thân như các nhà thơ xuất thân từ
tầng lớp nho sĩ, thư sinh. Vua Minh Mạng
cho rằng: “*việc học của đế vương khác với
thư sinh, dấu trong khi ngâm vịnh, cũng có
ngụ ý làm chủ nước, yêu nuôi dân. Nếu
không thế, cũng là một văn sĩ thôi, thì có
quý gì?*”

Đúng như Minh Mạng nhận xét, cái
học của đế vương khác với thư sinh, dấu
trong ngâm vịnh cũng có ý làm chủ nước
yêu nuôi dân. Minh Mạng làm rất nhiều thơ,
để so sánh về thơ vua cần lấy hình ảnh của
các vị vua hay thơ của Trung Quốc và Việt
Nam làm đối tượng so sánh. Nếu như ở
Trung Quốc, vua lấy thơ của vua Đường
Văn Hoàng [Thái Tông] và vua Càn Long,
thì ở Việt Nam (Đại Nam) vua lại xem
trọng thơ Lê Thánh Tông, vua đã ra chỉ dụ
cho sưu tầm thơ văn Lê Thánh Tông. Vua
nói thơ Càn Long là “*phần nhiều ép gượng,
bỉ lậu, không đáng nói đến, mà người thi
tụng bấy giờ, không có một ai sửa nắn lại,
đến nay đọc đến, chỉ là cái trò cười*.” Còn
thơ của Đường Văn Hoàng [Thái Tông] là
hơn cả. Về lời lẽ ý tứ khéo léo, đẹp đẽ, cách

điều mới mẻ lạ lùng, không phải người ta
có thể theo kịp. Nhưng ở trong phần nhiều
là ý vị về cảnh lâm tuyền, không phải khí
tượng đế vương miếu đường, cùng tựa như
bọn văn sĩ tranh lạ đua khéo thôi.

Chính vì những quan niệm làm thơ
không cần khéo ấy mà có lần vua Minh
Mạng đã nhắc các hoàng tử về đạo làm thơ.
Vua nhân bảo các hoàng tử rằng: “*phàm
làm thơ dùng chữ quý hồ bình dị, ngâm nga
mãi thì ý vị càng thấy sâu xa, phép linh
hoạt của nhà thơ, chẳng ngoài cách ấy.
Nếu dùng chữ hiểm quái, để cho đẹp đẽ,
mới đọc hình như khéo léo, ngẫm nghĩ lâu
thì nhạt mà không có vị gì, như thế có
chuyện làm gì?*” [Quốc sử quán triều
Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch, tập 5,
2007, tr 686].

Trong toàn bộ *Ngự chế thi* từ Sơ tập
đến Lục tập, vua Minh Mạng cũng chỉ nhận
xét là: “*những bài ta làm phần nhiều liên
quan đến việc tự răn mình về những lễ kính
trời, yêu dân, theo dõi nắng mưa để xem
thời chẳng phải là những lời hoa mỹ để vui
lòng người nghe. Há lại đem so với cái học
tầm chương trích cú của kẻ thư sinh, lại
cùng tranh lời hay ý đẹp với văn nhân, mặc
khách hay sao?*”⁽³⁾. Như vậy, qua lời nhận
xét của đích thân vua Minh Mạng, người
đọc có thể cảm nhận được những thể tài mà
Minh Mạng đề cập đến trong thơ của mình.
Đó phần nhiều là những bài thơ về việc
chính sự, thơ về thời tiết, thơ về tự răn
mình, thơ về việc nông tang, thơ vịnh sử...

Với một khối lượng thơ được vua
Minh Mạng sáng tác trong khoảng 16 năm
ấy có rất nhiều câu hỏi, vua làm thơ vào lúc
nào mà nhiều đến thế, trong lúc công việc
triều chính bận rộn, vua phải thức để phê
bản đến canh hai, canh ba. Nhưng trong khi
phê bản ấy vua lại đọc được những bản tấu

³ Trích *Ngự chế thi sơ tập* tự.

của địa phương về tình hình nông tang, chính trị...những lúc ấy vua lại làm thơ đề ghi lại. “*Thơ trẫm làm không cần khéo léo, chỉ luôn miệng ngâm ra để nói chí mình thôi. Những bài ban cho ấy đều nói về việc kính trời lo dân, mong tạnh cầu mưa, để các khanh biết ý trẫm, không phải vụ lời văn hoa mà đua hay với văn sĩ dẫu. Các khanh đã tạ trước mặt ta là đủ rồi, cần gì làm biểu, chỉ thêm văn sức. Nếu ngâm nghĩ những bài thơ ấy mà biết trẫm khó nhọc, thì nên cảm động mà thi thố mưu mô để giúp trẫm những việc không nghĩ đến, cho chính sự tốt đẹp, trong ngoài yên vui, thế là trẫm cho thơ mới không phải là vô ích, thì trẫm vui mừng biết là nhường nào. Nếu chỉ trang sức hư văn thì sợ văn võ trên dưới sẽ chơi đùa trễ nải, không bắt chước được thói Đường Ngu nói hát vui mừng thì cũng vô ích, trẫm chẳng khen dẫu. Tự sau có thơ văn gì, không phải trần tạ nữa*”⁽⁴⁾. (Quốc

⁴帝諭之曰朕之所作不求工巧只信口率吟以言志。爾其所賜篇什皆朕敬天憂民課晴量雨之作，俾卿等知朕本意非務綺麗之辭與文士爭長業已面謝足矣。何必多此一著徒增文飾。若玩味其中念朕之焦勞有所感發各展猷為匡朕不逮俾政臻上理中外義康是朕所賜詩章乃非虛舉則朕之欣悅為何如哉。儻徒事粉飾為儀文恐或至上下文恬武熙之怠何能效唐虞廣歌喜起之風是為無益朕寔不取焉。嗣後賞賜詩文毋須陳謝為也。

[大南寔錄正編第二紀，卷四十七，二十四]

“*Để dụ chi viết: Trẫm chi sở tác bất cầu công xảo chỉ tín khẩu suất ngâm dĩ ngôn chí. Nhĩ kì sở tứ thiên thập giai trẫm kính thiên ưu dân khóa tình lượng vũ chi tác, tỉ khanh đẳng tri trẫm bản ý phi vụ ý lệ chi từ dữ văn sĩ tranh trường nghiệp dĩ diện tạ túc hĩ. Hà tất đa từ nhất trừ đồ tăng văn sức. Nhược ngoạn vị kì trung niệm trẫm chi tiêu*

sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 2, bản dịch năm 2002, tr 654).

2. Đến nguyên nhân làm thơ

Đối với nhiều thi nhân, việc làm thơ có thể để bày tỏ nỗi lòng hay để nói lên chí khí của mình. Hoặc có người chỉ vì yêu cảnh thiên nhiên, say đắm cảnh vật mà nên thơ. Cũng có người vì chí lớn chưa thành mà sinh ra uất hận cũng làm nên thơ.... Nhìn chung để đến với thơ thì có nhiều nguyên nhân, nhưng đối với vua Minh Mạng, ngoài những lúc triều chính bận rộn, khi thông thả nhàn rỗi vua cũng thường làm thơ. Thơ đối với vua vừa là để tự răn mình về những lễ kính trời, yêu dân, theo dõi nắng mưa để xem thời thế, từ đó làm thơ để phục vụ cho công việc lại càng thêm ý nghĩa và thi vị hơn.

Theo vua Thiệu Trị khi viết bài bạt cuối sách *Ngự chế thi lục tập* có phân chia thơ của vua cha ra làm 11 nội dung gồm những vấn đề dưới đây:

1. 敬事郊廟 *Kính sự giao miếu*: Kính cẩn thờ phụng ở Giao miếu
2. 孝奉慈闈 *Hiếu phụng từ vi*: Hiếu thờ với thân mẫu
3. 惠民憫農 *Huệ dân mẫn nông*: Ban ơn cho dân, thương xót nhà nông
4. 驗晴測雨 *Nghiệm tình trắc vũ*: Xem nắng xét mưa

lao hữu sở cảm phát, các triển du vi khuông trẫm bất đãi tỉ chính trấn thượng lí, trung ngoại nghĩa khang, thị trẫm sở tứ thi chương, nãi phi hư, cử tác trẫm chi hân duyệt vi hà như tai. Thảng đồ sự phẩn sức vi nghi văn khùng hoặc chí thượng hạ văn diềm vũ hi chi dĩ, hà năng hiệu Đường Ngu canh ca hĩ khởi chi phong thị vi vô ích. Trẫm thực bất thủ yên. Tự hậu thượng tứ thi văn vô tu trần tạ vi dã⁽⁴⁾.

Khí tốt hài hòa ảm áp muôn vật phát triển thuận lợi,

Ngoan cố ngu muội nhưng ngoài ra có tấm lòng quên mình.

Tuy không có duyên với bên kia quả là không có,

Tự hỏi mình rằng thật không rõ cách dùng người.

*Cuối mùa xuân năm trước quân lính vất vả,
Dấy quân dân khổ chẳng quân giặc đều là binh giỏi.*

Chỉ vì mời được trời cao phù trợ nên sớm đẹp được yên ổn,

Bốn biển từ nay vui mừng được bình an.

Nỗi vui mừng của vua Minh Mạng khi nghe tin quân giặc đã bị đánh tan, tin thắng trận báo về sau những đêm ngày lo lắng quân tình.

Mặc dù chính sự bận rộn, nhưng vua Minh Mạng vẫn quan tâm lo lắng, thương xót đến binh sĩ ngoài chiến trường. Điều đó thể hiện sự quan tâm, thương xót và ghi công những người lính đang vất vả đi chinh chiến.

Nhiều bài thơ thể hiện tâm trạng bồn chồn lo lắng khi việc biên cương chưa yên, trong bài: 光明殿題壁 *Quang Minh điện đề bích* vua viết: “邊疆未定莫為情 *Biên cương vị định mạc vì tình*- Biên cương chưa yên ổn chớ làm thinh”, hoặc bất giác có báo tin thắng trận về, vua lại vui mừng lấy thơ để ghi lại việc đó. Đây là những việc rất thực, có thể cung cấp tư liệu và bổ sung thêm cứ liệu cho lịch sử, mà những cứ liệu này sách sử không ghi lại.

2.2. Làm thơ trong các dịp lễ tế hợp hưởng, kính cáo trời đất

Việc kính cáo trời đất hay kính cáo tổ tiên ở Thế Miếu, Triệu Miếu, lăng Gia Long và các đàn tế Nam Giao, Xã Tắc, hoặc các ngày lễ tiết, khánh hạ năm nào

cũng diễn ra. Những dịp như vậy, vua Minh Mạng lại làm thơ để ghi nhớ. “Ngày Bính tuất, lễ Hợp hưởng. Lễ xong, vua nghĩ đến những điều tốt đẹp của đời trước nhân làm thơ đưa cho quần thần xem. Lại dụ rằng: Khoảng năm Gia Long bản triều Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta đã dựng Thái miếu ở phía Đông nam Hoàng thành, theo nhà Hán, nhà Minh là đồng đường dị quy chế thất (một nhà chia ra từng gian), gian giữa thờ Thái tổ Gia dụ hoàng đế, hai bên chiêu mục thờ Hy tông Hiếu văn hoàng đế, cho đến Duệ tông Hiếu định hoàng đế, cộng tất cả 9 vị”⁶. (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 2, tr 696)

Ngày này hợp tế trời đất ở đàn Nam Giao, lễ xong cung kính ghi lại

Hàng năm tế Nam Giao đều cử hành nghi thức tôn kính,

*Ất kính ất tự thân theo quy định của muôn đời.
Nhạc tấu chín lần dâng lễ vật,*

Múa điệu Bát Dật kính xin trời cao.

Tảo trừ bọ yêu nghiệt ở thành Phiên An,

Mong cho huyện Đê Định, Đào Cừ sớm được thanh bình.

Khiến cho bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc được yên ổn,

Năm nào cũng được mùa nhân dân vui vẻ hơn hờ.

(Ngự chế thi tứ tập, Q1 từ 20)

2.3. Làm thơ trong lúc nhàn rỗi, ghi lại việc thanh bình trong cung hay việc đi thăm dân tình

Khi nhàn rỗi vua tôi cùng nhau xướng họa ban yến tiệc mừng việc vui,

⁶ Xem thêm nguyên bản chữ Hán trong *Đại Nam thực lục*: 丙戌裕饗禮成帝景念：前徽因製詩以示群臣復諭曰：本朝嘉隆年間我皇考世祖高皇帝于皇城內之東南營建太廟其制做漢明同堂異室正中奉太祖嘉裕皇帝穆列熙宗孝文皇帝至

hoặc những lúc thanh nhàn vua tôi ngắm vườn ngự uyển, tản bộ đến các lầu, đài, tạ, đình, hồ, trong cung. Bên cạnh đó là những lúc thả thuyền trên dòng sông Hương, xuôi đến Thuận An. Có khi lại theo dòng Lợi Nông đi thăm dân tình gặt lúa. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Vua nhân rồi theo hầu Hoàng thái hậu câu cá ở hồ sau Ngự viên. Vua vừa buông câu, câu được liền 5, 6 con cá. Hoàng thái hậu thích lắm, khen ngợi mãi. Vua bèn làm thơ ghi việc ấy, đưa cho bày tôi xem và nói rằng: “*Đấy có thể thấy triều đình nhàn hạ, Hoàng thái hậu mạnh khoẻ, cho nên khiến các khanh xem để biết việc vui trong gia đình nhà vua, lòng thần tử tưởng cũng vui vẻ. Còn lời văn khéo vụng thì không cần tính đến*”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 2, tr 13)

Trong vườn Ngự tức sự đề thơ

*Ngày hè mong sao mưa thấm ngày càng tăng,
Cây cỏ trong vườn được nhờ ơn mưa móc nhiều.*

*Càng tươi càng xanh không chút bụi bám
trên lá liễu,*

*Bông hoa thêm đẹp thêm hương nhờ được
mưa.*

Thể chất yếu đuối ai thương chỉ biết có vậy,

Dung nghi đẹp để tự xét mình như thế nào.

Đều do tạo hóa bồi đắp như thế,

*Chỉ một phần xinh đẹp bên ngoài chứ chẳng
đủ để khoe khoang.*

(*Ngự chế thi ngũ tập*, quyển 7, tờ 12)

Khi chính sự nhàn, vua cũng hay cùng quần thần đi tuần du ngoài cung, khi thì về biển Thuận An, lúc lại đến biển Tư Dung, khi lại đến Ngự Bình, qua Đà Nẵng thăm Ngũ Hành Sơn. Ngoài ra vua rất thích đi thăm lúa ở khu vực ven kinh thành như Hương Thủy, thả thuyền trên sông Lợi Nông, ngắm lúa hoặc xem gặt lúa.

Đến sông Lợi Nông xem gặt lúa vui mừng làm bài thơ

Được mùa vốn bởi tránh được tai ương,

Muôn việc thành công lệnh đến xem.

Thóc hạt đầy ruộng lúa trĩu bông,

Nhà nông đầy đồng mong cho lúa được nhiều.

Ngày trước cấy cấy tuy vất vả,

Ngày nay gặt lúa cũng thật xứng đáng.

*Chẳng phụ nổi mong mỏi của ta với việc
cất lúa,*

Vừa xem vừa vui thật khó mà đảm đương nổi

(*Ngự chế thi ngũ tập*, quyển 7, tờ 13)

Là người hay chữ nhưng không quá đặt nặng việc làm thơ để lưu danh vua Minh Mạng làm thơ những lúc công việc phê bản nhàn rỗi, hoặc những lúc đi thăm lúa xung quanh các huyện ở quanh Kinh thành. “*Có lần vua ngự giá ra thăm phía đông Giao thấy lúa má tốt, rất vui lòng, thưởng cho các dân cư hai bên dọc đường 2.000 quan tiền. Vua bảo thị thần rằng: “Trẫm nhân rồi việc, đi tuần những chỗ đi qua, nhân dân đặt nhiều lễ nghi, Trẫm không lấy cái đó làm đẹp mắt, chỉ mừng thấy lúa xanh tốt mà thôi”. Rồi đưa bài thơ Ngự chế cho xem*”⁽⁷⁾. (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 3, tr 129)

Sông Lợi Nông là sông đào dùng để tưới tiêu phục vụ cho nông nghiệp, hai chữ Lợi nông chính là để thể hiện cái ý đó: “*Vua đến chơi sông Lợi Nông, qua huyện Hương Thủy, thấy lúa xanh tốt, làm bài thơ để ghi nổi mừng*.”⁽⁸⁾ (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 4, tr 523)

2.4. Làm thơ khi cầu đảo để tỏ lòng thành

Đào vũ (cầu mưa) gắn liền mật thiết với đời sống sản xuất nông nghiệp của người dân trong điều kiện máy móc kỹ thuật để phục vụ bơm tưới tiêu còn thô sơ.

⁷帝駕幸東郊見禾苗秀茂甚悅賞沿途居民錢二千緡諭侍臣曰朕因幾暇巡幸所過民家多設儀彩朕不以此為美觀惟喜禾色青葱耳乃出御製詩示之。

⁸帝幸利農河經香水見禾苗秀茂製詩以誌喜。

Các nghi lễ cầu mưa dưới triều Nguyễn luôn được các vị vua coi trọng xem như một nghi lễ để cầu xin trời ban cho mưa thuận gió hòa. Ngoài ra việc đảo vũ cũng một phần để cầu cho trời tạnh ráo mỗi khi mưa liên miên làm hư hỏng hoa màu. Lễ đảo vũ dưới triều Nguyễn được tiến hành thường xuyên từ đời vua này đến đời vua khác.

Trong kinh kỳ có mưa, vua dụ bộ Lễ rằng: “Ở Kinh liền mấy ngày đầu năm, được liền mấy trận mưa rất quý, đến sau ngày mùng 10 lại gặp nắng luôn, mưa xuống chưa thấm. Ngày hôm qua Trẫm thành tâm mật đảo ? Làm ra mấy bài thơ, nửa đêm hôm nay ơn trời được mưa chan chứa, suốt đêm đến sáng hấy còn thánh thót Trẫm khôn xiết vui mừng, càng thêm kính sợ. Nay lúa má ở huyện kinh đều đã xanh tốt, không biết phía Nam phía Bắc kinh kỳ đã được mưa chưa ? Bộ Lễ các người phải lập tức truyền chỉ đi xét hỏi chuẩn cho đều cử sự thực tâu lên, để yên lòng Trẫm”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 3, tr 137).

Trong những lần cầu đảo khó khăn, vua Minh Mạng thường làm thơ để thành tâm cầu đảo. Những bài thơ kì vũ, kì tình, vọng vũ, khoái vũ, hỉ tình...được vua làm rất nhiều trong *Ngự chế thi*. Có lần cầu đảo không được mưa vua liền mật đảo, lại làm thơ đốt ở chùa liền lập tức linh ứng. Sách *Đại Nam thực lục* ghi: “Từ bắt đầu sang mùa xuân đến nay, chưa được trận mưa to. Phủ Thừa Thiên là Nguyễn Trọng Tân cầu đảo ở miếu Vũ Sư, chưa mưa, vua sai Phủ doãn Nguyễn Văn Toán cầu đảo ở miếu Nam Hải long vương. Vua lại mật đảo ở trong cung, làm thơ đem đốt ở trước chùa Hoành Nhân, ngày hôm sau mưa to, đồng ruộng đầm đìa, lúa tốt bật lên, lập tức phát hương lụa trong kho, sai đem đến 2 miếu lễ tạ, thưởng Nguyễn Văn Toán kỳ lục một

thứ”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 5, tr 27).

“Vua rất lo cho dân, liền chính mình làm một bài thơ, sai quan Nội các đem đốt ở trước đền Long vương. Rồi vua chay tịnh thành kính lạy lễ cầu đảo ở trong cung, liền được mưa luôn mấy ngày ; ruộng nương đều nhuần thấm. Vua rất mừng liền sai Hoàng tử Vĩnh Tường công Miên Hoành đem hương và lụa đến đền Long vương làm lễ tạ. Lại làm thơ và bài ký thuật rõ cái ý kính trời, chăm sóc dân, khắc vào bia đá dựng ở đền.” (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 3, tr 409).

Trong ngự chế thi vua làm nhiều thơ liên quan đến việc cầu mưa, cầu tạnh như: 禱雨得雨喜作 Đảo vũ đắc vũ (Vui mừng làm thơ khi cầu mưa được mưa); 詣洪仁寺祈雨 Nghệ Hồng Nhân tự kì vũ (Đi đến chùa Hồng Nhân cầu mưa); 祈雨 Kì vũ (Cầu mưa).

Những bài thơ về Vũ (mưa) phần nhiều thể hiện tư tưởng ái dân, yên dân. Tư tưởng ái dân được thể hiện trong nhiều bài thơ trong bộ ngự chế thi tập, trong đó có rất nhiều bài thơ vua viết về việc cầu mưa cầu tạnh cho mùa màng được tươi tốt thuận lợi, bên cạnh đó cũng có nhiều bài ghi lại cảm xúc của mình khi các nơi báo về mùa màng được mùa. Những lúc như thế ông luôn muốn muôn dân được bình an, và luôn cầu trời, cảm ơn trời để phù hộ cho muôn dân. Trong bài thơ Vọng vũ tác (Làm thơ khi ngắm mưa)

2.5. *Làm thơ khi nghe tin được mùa, ghi lại để mừng vui*

Trong *Ngự chế thi* nhiều bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nghe tin được mùa của các địa phương tấu báo. Hay gặp mưa dầm lâu ngày bỗng nhiên trời tạnh ráo, vua vui mừng nhân đó làm thơ. “*Tình*

Quảng Yên, vụ mùa này thóc lúa được phong đăng do quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua dụ Nội các : “Dân Kinh và dân Thổ ở hạt này, từ trước đến nay, đều tha thiết về lòng tôn vua, thân người trên, vốn không phản nghịch. Nay, tình hạt thu hoạch được phong đăng, đó là phúc đấy. Ta rất mừng cho nhân dân một phương ấy. Ta bèn tự nghĩ một bài thơ để ghi nhớ việc này, rồi in chữ son, ban cấp cho tỉnh ấy và các hạt Ninh Bình, Thanh Hoa, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn khiến cho đều rõ rằng dân Quảng Yên biết yên phận, theo lễ phải, nên được ngược nhờ phúc trời ưu đãi, triều đình khen thưởng. Các hạt khác nên nghĩ mà bắt chước, cùng hưởng thái bình”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 3, tr 889).

Dưới triều vua Minh Mạng nhiều công trình liên quan đến tưới tiêu, đê điều được xây dựng như kênh Vĩnh Tế, sông Vĩnh Định, Sông Thạch Hãn...và nhiều các công trình khác ở kinh đô được xây dựng. Mỗi lần như thế vua cũng làm thơ và dựng bia đá khắc bài thơ lên trên bia để ghi lại.

Trong 12 bài thơ làm về Thuận An tứ cảnh thì cũng khắc 4 bài lên 4 tấm bia đặt ở cửa biển Thuận An để ghi nhớ sự kiện về Thuận An, đó là các bài thơ: Viên đài hùng trĩ; Đại hải tráng quan; Da lâm tích thúy; Sa thành miên cảng, các bài thơ này được khắc trên bia và được Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ ghi lại. Bốn bài thơ này đã được in trong Ngự chế thi tứ tập, quyển 6, tờ số 30 – 31. Chúng tôi xin trích dẫn một bài trong bốn bài kể trên.

Đài tròn đứng mạnh mẽ

Theo thời gian bờ tường đá có nơi nghiêng nơi lở,
Ngàn năm vững bền nhưng được củng cố.
Ngày ngày giữ thành làm lắm liệt mưu tính
của tiền nhân,

Để mãi mãi làm cho đường biển sóng yên biển lặng.

Làm thơ để tỏ ý khuyên răn quần thần

Nếu như các thi nhân đương thời làm thơ để nói lên chí hướng hoặc làm thơ để lưu lại tên tuổi, thì đối với Minh Mạng làm thơ không cần để lập thân lập nghiệp, với khẩu khí đế vương, thơ Minh Mạng còn thể hiện tính chỉ đạo giáo dục, giáo huấn cho văn võ bá quan.

2.6. Làm thơ trong lễ tịch điền

Lễ tịch điền thể hiện tư tưởng trọng nông của nhà nước phong kiến đối với nông nghiệp. Lễ tịch điền là lễ tự vua xuống ruộng đi cày để làm gương cho người dân cũng như thể hiện việc quan tâm đến người dân. Khi vua đi cày mới cảm nhận hết được nỗi vất vả cực nhọc của người dân, qua đó thể hiện sự cảm thông của vua với dân. “vua tự mình đến cày ruộng Tịch điền”, sau khi làm lễ tế xong thì vua tự mình đến ruộng Tịch điền cày đi bừa lại 3 đường, sau đó đến lượt công khanh, và sau nữa là các nông phu đều cày, trăm thấy phần đông trên mặt đều đỏ mồ hôi, như thế đủ thấy công việc cày cấy rất khó khăn nhọc mệt, mà nông dân quanh năm cần cù vất vả vẫn không đầy đủ no ấm, trăm lấy làm thương xót lắm” (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 4, tr 687).

Nhân sự kiện tịch điền vua Minh Mạng làm thơ để ghi lại và cũng là để tự răn mình cũng như văn võ bá quan cần phải biết trân trọng sức lao động của nhân dân.

Ngày hôm ấy, vua lễ cày ruộng tịch điền, vua ngự đài Quan Canh làm một bài thơ, cho triệu quan ngoài là bọn Cao Hữu Dục, Tôn Thọ Đức đến gần trước mặt đem thơ cho xem, nhân ra dụ rằng : “Chính mình đi cày tịch điền là điển lễ trọng yếu, chăm chú đến gốc, trọng việc làm ruộng, trước đã theo đời xưa mà làm, hai năm

Minh Mạng thứ 16, 17 bỗng nhiên mưa uớt, sai quan làm thay, vẫn áy náy trong lòng, năm nay gặp kỳ tạnh nắng, trẫm tự mình cầm roi cầm cày, 3 lượt đi, 3 lượt lại, nặng lòng vì dân, tự thấy coi nhẹ khó nhọc, cày xong làm ngay một bài thơ để bảo các quan to đến Kinh, nên đem thơ ấy sao lục phát cho các trực tỉnh, mỗi tỉnh một đạo, khiến cho đều chăm khuyến dân cày ruộng, cùng xứng với ý trẫm”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 5, tr 86).

Trong *Ngự chế thi sơ tập* vua có làm bài thơ vui mừng vì nhà nông được mùa, bên cạnh đó là niềm hi vọng hàng năm ruộng nương đều được bội thu để dân chúng bớt khổ. Bài thơ 籍田太 熟 Tịch điền thái thực. (Lễ tịch điền lúa chín nhiều).
*Vùng đất ven kinh kì có năm vui mừng
 Nay làm lễ tịch điền mừng cho được mùa
 Khắp nơi đồng ruộng lúa được trở bông nhiều
 Há liệu được ba phần hơn gấp bội người
 Dâng lên mẹ hiền cùng hưởng ngọc thực
 Kính cẩn nơi giao miếu phụng thờ tổ tiên
 Lại cầu mong cho khắp nơi vụ thu được mùa liên tiếp
 Để không uổng tấm thân vất vả dạy muôn dân.*

Làm thơ để khuyến khích sĩ tử

Dưới triều Minh Mạng việc lựa chọn quan lại thông qua thi cử đã đi vào ổn định. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), nhà nước bắt đầu mở khoa thi Hội. Đây là khoa thi đầu tiên của triều Nguyễn. Do đó ba kì đầu vua Minh Mạng trực tiếp ra đề. Việc tuyển chọn nhân tài rất được vua quan tâm. Năm thứ 19 (1838), kì thi Hội khoa Mậu tuất vua ngự xem trường thi Hội, gặp lúc trời mưa rét, quan trường ra đón, sai ban cho rượu, lại chia cấp cho sinh viên đi thi ăn cơm uống rượu và lò sưởi đệm cỏ, rồi miệng đọc một bài thơ tự viết lấy để bảo.

*Trời tuyết cho than buổi sớm nay,
 Anh hoa nhả hết, trạng khoa này,*

Mới hay từng bách cày ưa rét, Cố gắng cùng nhau báo đức dày.

Nhân bảo quan trường là bọn Trương Đăng Quế rằng : “Trẫm từ lên ngôi tới nay, để ý trọng việc văn đã lâu, mà học thức của học trò, chưa thấy ngày được cao sáng, là vì thầy, bạn nguồn gốc không bằng đời trước, không phải nhân tài có khác ? Và sự học quý ở có kiến thức, đem ra làm việc mới có thực dụng, bài thi không cần phải tìm tòi sự lạ lùng bí ẩn, dù đem việc hiện nay ra hỏi, nhưng kiến thức sâu hay nông cũng định được.(Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 5, tr 287 -288).

3. Tạm kết

Từ những nguyên nhân làm thơ như ở trên đã phân tích, chúng ta có thể nhận thấy vua Minh Mạng làm thơ phần nhiều để phục vụ cho chính sự của nhà nước, đảo vũ, kì tình chiêm nghiệm thời tiết, ái dân trọng nông. Dù trong hoàn cảnh nào thì những bài thơ ấy cũng có liên quan việc an nguy của xã tắc, đến cuộc sống của người dân. Ngoài ra, qua quan điểm làm thơ và mục đích làm thơ, cũng thấy được cái “ngôn chí” của vua đối với việc này. Làm thơ để phục vụ chính sự, thể hiện sự yêu dân, chăm lo nông nghiệp, kính trời, chiêm nghiệm xem nắng mưa lụt lội... tất cả cũng chỉ là việc làm xếp sau chính sự và làm thơ trong những lúc nhàn.

Với tư cách là một vị vua, có thể phân chia thơ với nhiều chủ đề như: Ban ơn cho dân, thương xót nhà nông, Chiêm nghiệm tình trắc vũ (xét việc nắng mưa), Trù hoạch việc quân, kế sách Bắc chinh Nam chiến, thương xót binh lính, Kính sự Giao miếu, hiểu thuận từ mẫu, giáo hóa vô bờ, ghi chép những việc tốt đẹp, vua tôi quần thần cùng nhau xướng họa, ...

Mặc dù vậy với số lượng thơ mà vua Minh Mạng đã sáng tác lúc sinh thời với hơn 3500 bài thực tế bao quát nhiều vấn đề trong xã hội thời bấy giờ. Qua đó nhận thấy thơ của vua Minh Mạng đối với di sản thơ Ngu chế của triều Nguyễn trong dòng chảy văn học cung đình cần phải được đầu tư

nghiên cứu. Đặc biệt là nhiều bài thơ Ngu chế đã được khắc trên nhiều di tích ở Huế như Lăng Minh Mạng, Đại Nội đã được Ủy ban Di sản Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương (MOWCAP) công nhận là Di sản Ký ức thế giới tháng 5/2016□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*, (tập 2). Bản dịch của Viện Sử học. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*, (tập 3). Bản dịch của Viện Sử học. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*, (tập 4). Bản dịch của Viện Sử học. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*, (tập 5). Bản dịch của Viện Sử học. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*, (tập 6). Bản dịch của Viện Sử học. Nxb. Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2010). *Minh Mệnh chính yếu*, bản dịch. Nxb. Thuận Hóa. Huế.
- Phan Thúc Trực. (2009). *Quốc sử di biên*, bản dịch của Viện sử học. Nxb Văn hóa Thông Tin. Hà Nội.

The values of Minh Mang King's poems

Nguyen Huy Khuyen

Vietnam National University, Hanoi

Email: khuyennh@dlu.edu.vn

Received: April 09, 2020; Accepted: September 10, 2020

Abstract

According to Dai Nam thuc luc (the enormous official historical records of Nguyen dynasty), King Minh Mang composed many poems throughout his life and those were printed in Ngu che thi so tap and Ngu che thi luc tap, with nearly 4,000 poems in total. Those works, still available in printed and wood-carved forms, cover a continuum of topics from history, literature, culture, magnificent landscapes, political issues, public care, agricultural practices, Heaven worship...; Thus, as the head of state with heavy duty of caring for national affairs, how could he manage his time for such composition. This article brings about an explanation for the motives, intentions and values of the regal poems as composed by Minh Mang King.

Key words: *regal poems, Minh Mang, composing views, political issues, public care.*